

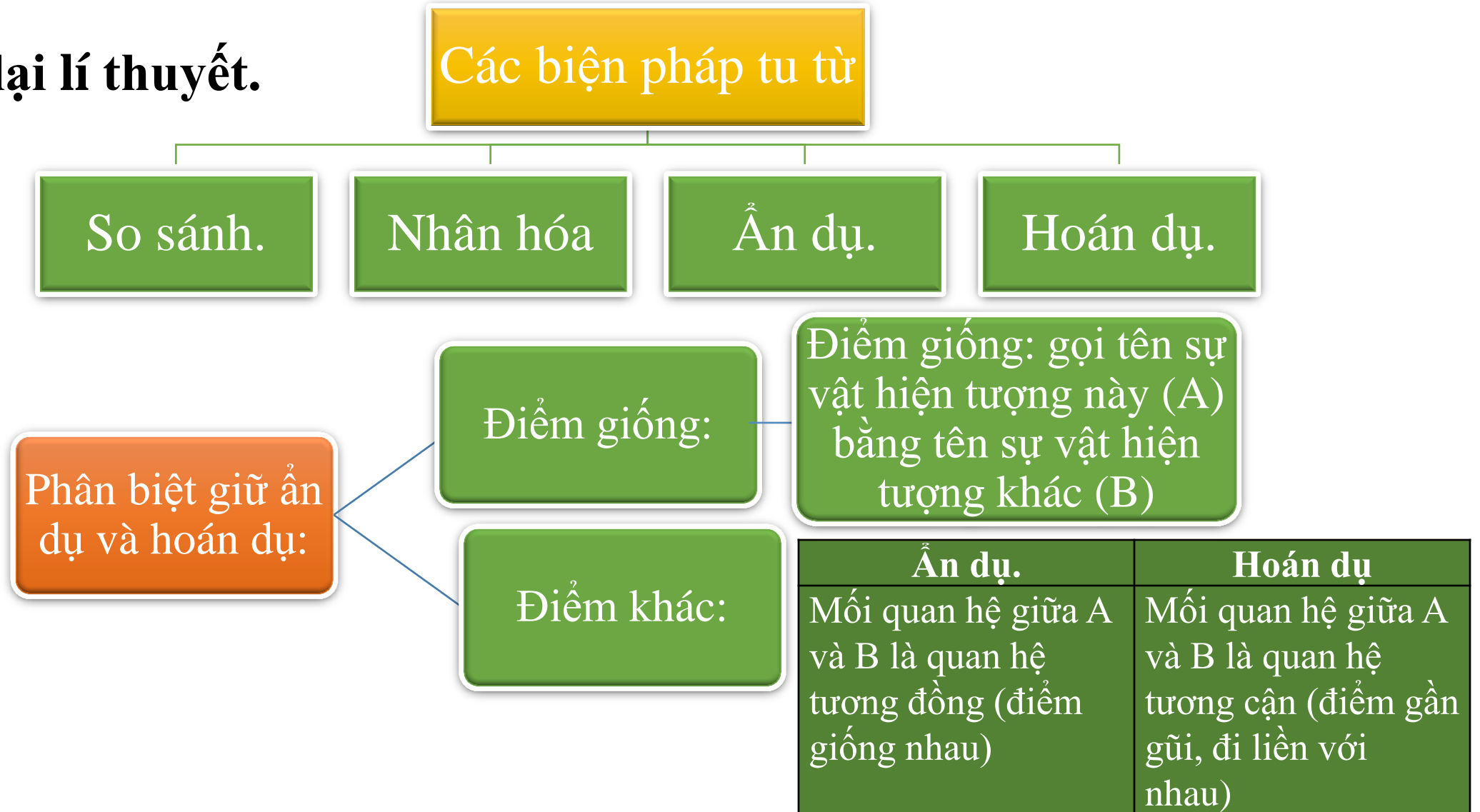
A scenic view of terraced rice fields on a hillside, with the text "BÀI 5: NHỮNG NẼO ĐƯỜNG XỨ SỞ(TT)" overlaid in the center. The terraces are filled with green rice plants, and the background shows a misty, hazy landscape with more hills and a cloudy sky. The text is in a bold, black, serif font.

BÀI 5: NHỮNG NẼO ĐƯỜNG XỨ SỞ(TT)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

I. Nhắc lại lí thuyết.



THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

I. Nhắc lại lí thuyết.

II. Luyện tập

Bài 1 SGK trang 114

Điền từ ngữ vào cột bên phải tương ứng với từ ngữ ở cột bên trái để chỉ ra vẻ ẩn của biện pháp tu từ ẩn dụ.

<i>Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bê</i>
<i>mâm bạc</i>
<i>Mâm bở</i>
<i>Cái chất nén bạc</i>

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

I. Nhắc lại lí thuyết.

II. Luyện tập

Bài 1 SGK trang 114

a.

<i>Quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ</i>	mặt trời
<i>mâm bạc</i>	bầu trời sáng và lấp lánh
<i>Mâm bễ</i>	mặt biển
<i>Cái chát nén bạc</i>	độ sáng và sự lấp lánh

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

I. Nhắc lại lí thuyết.

II. Luyện tập

Bài 1 SGK trang 114

b. Phép tu từ ẩn dụ

Tác dụng:

Làm cho câu văn tả cảnh mặt trời mọc trên biển trở nên sinh động, hấp dẫn.

Cảnh mặt trời mọc trên biển tuyệt đẹp. Mặt trời mang vẻ đẹp ấm áp, tráng lệ, kì vĩ. Mặt biển bao la trong trẻo, với ánh ban mai tinh khôi.

Ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP Củng cố kiến thức

II. Luyện tập

Bài 2 SGK trang 114

a.

Biện pháp tu từ: so sánh.

So sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào

Tác dụng:

Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

Hình ảnh so sánh giúp ta hình dung ra cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

II. Luyện tập

Bài 2 SGK trang 114

b.

Biện pháp tu từ: ẩn dụ.

“*trận địa cánh cung*”: sự nguy hiểm của bão biển, cát bay mạnh, rất nguy hiểm.

“*gió tăng thêm hỏa lực*”: gió tăng tốc độ, rất mạnh

Tác dụng:

Ngầm ví trận bão biển dữ dội như một trận chiến đấu thực sự. Nhấn mạnh tính chất ghê gớm, sự tàn phá của bão biển.

Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

II. Luyện tập

Bài 3 SGK trang 114

Những câu văn sử dụng biện pháp
tu từ so sánh trong VB Cô Tô:

*Sau trận bão,
chân trời,
ngấn bể sạch
như tấm kính
lau hết mây
hết bụi.*

*Tròn trĩnh phúc
hậu như lòng đỏ
một quả trứng
thiên nhiên đây
đạn.*

*Y như một mâm lễ phẩm tiến
ra từ trong bình minh để
mừng cho sự trường thọ của
tất cả những người chài lưới
trên muôn thuở biển Đông.*

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

II. Luyện tập

Bài 3 SGK trang 114

Tác dụng:

Khắc họa vẻ đẹp của biển Cô Tô sau trận bão.

Tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương của tác giả.

Câu văn sinh động, gợi hình, gợi cảm.



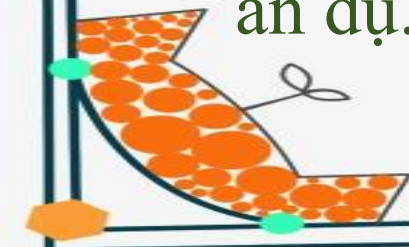
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

II. Luyện tập

Bài 4 SGK trang 114

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh,

ân dụ.



THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

II. Luyện tập

Bài 4 SGK trang 114

* Yêu cầu nội dung :

+ Thể loại: Miêu tả.

+ Đối tượng: một cảnh đẹp thiên nhiên (dòng sông, cánh đồng, thắng cảnh mà em biết...).

- Mở đoạn: Em đã giới thiệu đó là cảnh gì, ấn tượng của em về cảnh đó như thế nào.

- Thân đoạn: 3- 5 câu văn:

+ Miêu tả cảnh thiên nhiên: Có những gì nổi bật?

+ Hình ảnh nào hiện lên trong cảnh thiên nhiên đó. Hình ảnh đó như thế nào? (Màu sắc, đường nét, âm thanh...). Em dùng từ ngữ nào để tái hiện cảnh đẹp này?

+ Trình tự tả như thế nào?

- Kết đoạn: Cảm nghĩ về cảnh thiên nhiên được tả.

* Hình thức đoạn văn: có dùng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ.

Hang Én

(Hà My)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

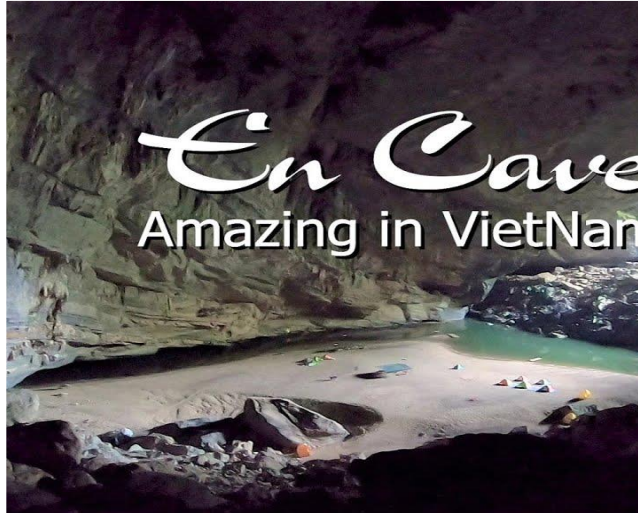
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN XUÂN THỦY - NAM ĐỊNH



Hang Én

(Hà My)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG



Tiết 61+62: *Hang Én*

(Hà My)

I. Đọc, tìm hiểu chung

1. Đọc, từ khó



Cần đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức của người kể, chú ý khi đọc vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

I. Đọc, tìm hiểu chung

2. Tìm hiểu chung

a. Xuất xứ:

- Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020
- Tác giả: Hà My.

b. Thể loại: du kí

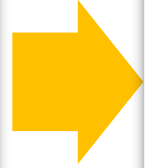
- **Phương thức biểu đạt:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm
- **Ngôi kể thứ nhất:** “Tôi” là tác giả
- **Trình tự kể:**
 - + **Không gian:** Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc **Ba Giàn**, đến thung lũng **Rào Thương** để đến với **Hang Én**.
 - + **Thời gian:** từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi **bóng tối** chầm xuống Hang Én.

I. Đọc, tìm hiểu chung

2. Tìm hiểu chung

c. **Bố cục:** 2 phần chính:

Phần 1: Từ đầu đến
“lòng hang chính”:
Hành trình đi đến
hang Én.



Phần 2: Còn lại:
**Khám phá vẻ
đẹp bên trong
hang Én:**



Tiếp theo đến *“trần hang cao vài trăm mét”*: Kích thước của hang Én.

Tiếp theo đến *“đôi cánh ấy sẽ lành hẳn”*: Cuộc sống của bầy én trong hang.

Tiếp theo đến *“tạo tác của tự nhiên”*: vẻ đẹp thiên nhiên ở sau hang Én.

Tiếp theo đến *“tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều”*: Hang Én khi trời tối.

Tiếp theo đến hết: Hang Én vào sáng hôm sau.

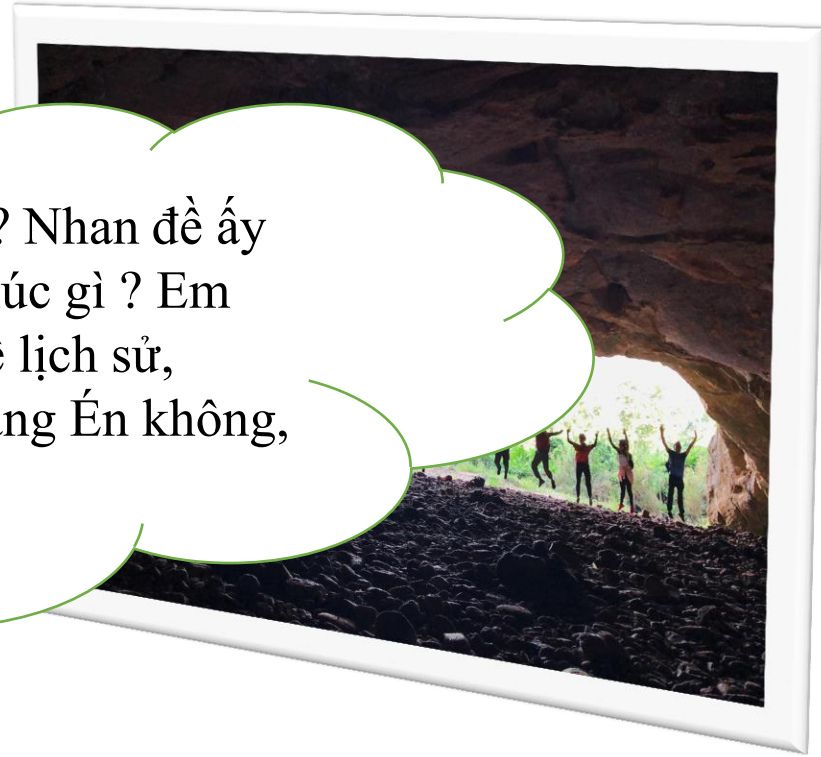
I. Đọc, tìm hiểu chung

2. Tìm hiểu chung

d. Nhan đề:

- Hang có nhiều ẻn
- Ghi chép lại
- phá hang ẻn
- phá nổi tiếng
- ba thế giới tại Quảng
- bộc lộ cảm xúc, tâm trạng

Nhan đề ấy có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng và cảm xúc gì? Em có biết những thông tin về lịch sử, khoa học liên quan đến hang ẻn không, hãy chia sẻ?



HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Hành trình đến hang Én



Xuyên rừng



Đường đi



Đường đi



Chuẩn bị vào hang

Cách thức di chuyển vào hang Én “Đh”

Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt?

Việc đi bộ sẽ cho tác giả cơ hội trải nghiệm những điều kì thú của thiên nhiên như thế nào?

đòi hỏi sự dũng cảm, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục.

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Hành trình đến hang Én

HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI



Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến Hang Én.



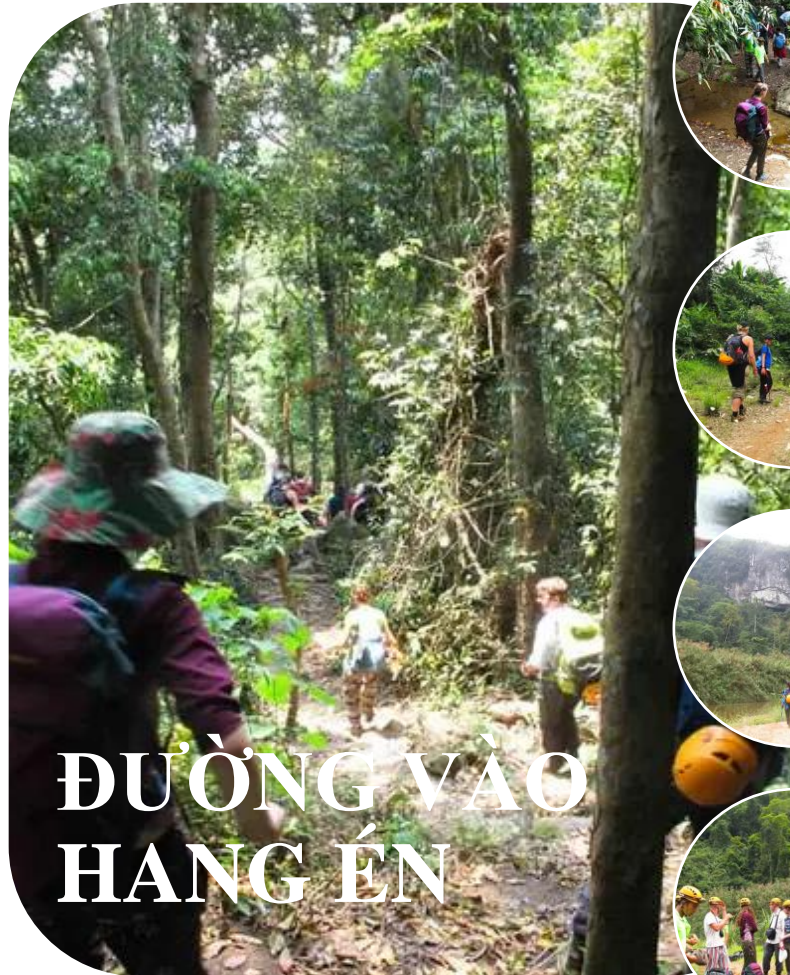
Em chỉ ra nét đặc sắc trong các chi tiết miêu tả thiên nhiên của rừng nguyên sinh (từ ngữ, biện pháp tu từ, cách bộc lộ cảm xúc của tác giả...)



Những chi tiết miêu tả thiên nhiên gợi cho em cảm giác gì về rừng nguyên sinh. Xúc cảm của tác giả được bộc lộ như thế nào trong hành trình khám phá hang Én?

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Hành trình đến hang Én



Xuyên rừng



Đường đi



Đường đi



Chuẩn bị vào hang

Cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh: một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai;

+ cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc;

+ con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quẩn quýt cả vào chân người;

+ Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rạp, liêu xiêu, ...” tạo ra các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn.

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Hành trình đến hang Én



Xuyên rừng



Đường đi



Đường đi



Chuẩn bị vào hang

* Cảnh rừng nguyên sinh hiện lên sống động. Thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức, mà cũng gần gũi, bao dung và mê hoặc.

- Tác giả gửi gắm cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây.



HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

2. Vẻ đẹp của hang Én



HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

2. Vẻ đẹp của hang Én

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào? Các số liệu đó nói lên điều gì?	Qua bài kí, em hiểu được gì về sự “sống” của đá?	Cuộc sống của loài én trong hang Én như thế nào? Tác giả miêu tả cuộc sống của én chủ yếu qua biện pháp nghệ thuật gì? Tại sao én ở đây chưa biết sợ người?

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

2. Vẻ đẹp của hang Én

a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên

Số liệu cụ thể



Rộng nhất là
 110m^2



Cao nhất là
120m



Sông ở hang chính
len lỏi qua hang
ngâm khoảng 4 km

HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

2. Vẻ đẹp của hang Én

a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên



Hang Én rất cao, rộng, dài (thứ 3 thế giới). Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn.



Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng.

2. Vẻ đẹp của hang Én

a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên

b. Sự “sống” của đá:



Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ.



Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang...



Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên.

2. Vẻ đẹp của hang Én

a. Sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên

b. Sự “sống” của đá:



Hang Én tuyệt đẹp, đá vốn là vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất. Qua cách miêu tả, thiên nhiên trở nên có hồn, thân thiết, gần gũi với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh.

2. Vẻ đẹp của hang Én

c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người:

Hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người.



Bốn bên dày đặc én.

Én bố mẹ tấp nập đi, về, mãi mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng.

Én xuống kiếm ăn, gãy cánh; ung dung mổ corm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...

2. Vẻ đẹp của hang Én

c. Cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người:

- **Nhân hóa**, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, ...

- **Loài én** ở đây còn nguyên sự **nguyên sơ**, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá;

+ Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên.

* **Cách gọi hang Én**: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. Tác giả muốn bày tỏ thái độ **ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên**.

2. Vẻ đẹp của hang Én

3. Con người với hang Én

- Trong lịch sử: Người A-rem ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt.

- Đoàn người hiện tại:

+ Đối với nhân vật tôi, là một chuyến hành trình thú vị.

+ Sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh....

+ Ai nấy nhoài khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vục nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết.

=> **Sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.**

III. Tổng kết.

1. Nghệ thuật.

Lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc

VB có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm.

2. Nội dung

Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng.

Vẻ đẹp khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tình tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

III. Luyện tập

Câu 1:

Câu 1: Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ không? Vì sao?

Các
nhận
hoang dã
làm cho người
khiếp sợ.

cuộc sống
tác giả
bình,
đẹp
người phải ngỡ
ngàng, thán phục, nó đánh
thức bản tính tự nhiên,
khát vọng hòa đồng với tự
nhiên của con người.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

III. Luyện tập

Câu 2:

Câu 2: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người?

Hành trình khám phá hang Én là một thử thách đối với sự dũng cảm, tinh thần khám phá, kỹ năng sinh tồn của con người.

Hành trình khám phá hang Én cũng là một thử thách đối với sự dũng cảm, tinh thần khám phá, kỹ năng sinh tồn của con người. Nó cũng là một thử thách đối với sự dũng cảm, tinh thần khám phá, kỹ năng sinh tồn của con người. Nó cũng là một thử thách đối với sự dũng cảm, tinh thần khám phá, kỹ năng sinh tồn của con người.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Câu văn: *Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*

1- Dấu ngoặc kép đánh dấu từ nào?

2- Từ “ngược dòng” hiểu theo nghĩa thông thường là gì? Trong câu văn này, nghĩa của từ “ngược dòng” có được hiểu như vậy không? Vậy hiểu là gì?

3- Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng gì?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Dấu ngoặc kép đánh dấu *ngược dòng*.
2. Nghĩa thông thường của từ “*ngược dòng*” là bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.
 - Trong câu văn trên “*ngược dòng*” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.
3. Vậy dấu ngoặc kép trong câu văn trên có tác dụng **đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt**.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Dấu câu

1. Dấu ngoặc kép.

Ví dụ:

a. Cộng đồng loài én ở miền Bắc đã xây tổ của chúng, không mấy may mắn.

b. Văn bản “*Chợ gạo*” giới thiệu về lịch Quảng Bình,

c. Người xưa có câu: “*Trúc dầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng*”.

Đọc các ví dụ, và cho biết dấu ngoặc kép trong mỗi câu văn trên dùng để làm gì?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Dấu câu

1. Dấu ngoặc kép.

Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

Ví dụ:

a. Cộng đồng loài én thoải mái sống “**cuộc đời**” của chúng, không mấy may nghĩ đến sự hiện diện của nhóm du khách.

b. Văn bản “**Hang Én**” trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020.

Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình.

c. Người xưa có câu: “**Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng**”.

Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Dấu câu

2. Dấu phẩy

Ngăn cách thành phần phụ của câu với

Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, em hãy nêu công dụng của dấu phẩy, dấu gạch ngang. Lấy một vài ví dụ minh họa.

Ngăn cách một thành phần với bộ phận chủ thích của nó.

Ngăn cách các vế của một câu ghép.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. Dấu câu

3. Dấu gạch ngang



```
graph LR; A[3. Dấu gạch ngang] --> B[Dấu gạch ngang dùng trước trích dẫn lời nói của nhân vật.]; A --> C[Dấu gạch ngang dùng để liệt kê.]; A --> D[Dấu gạch ngang để nối các từ.]
```

Dấu gạch ngang dùng trước trích dẫn lời nói của nhân vật.

Dấu gạch ngang dùng để liệt kê.

Dấu gạch ngang để nối các từ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

HOẠT ĐỘNG NHÓM

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Bài 1: Dấu ngoặc kép trong câu văn sau có công dụng gì?	Bài 2a: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì?	Bài 2b: Dấu phẩy, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang trong câu văn sau có công dụng gì?	Bài 3: Tìm thêm những câu văn sử dụng dấu ngoặc kép trong VB Hạng Én và giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong trường hợp này?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

1. Dấu câu

Bài 1. SGK trang 119

Dấu ngoặc kép trong câu a, b đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

a, (nt)

b,

- Nghĩa thông thường của “*sảnh chờ*”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.

- Trong câu văn: không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

1. Dấu câu

Bài tập 2 SGK trang 118

a. Tác dụng của:

- Dấu phẩy:

+ Dấu phẩy (1): Ngăn cách thành phần phụ của câu với bộ phận chính.

+ Dấu phẩy (2) (3) Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

- Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt.

- Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

1. Dấu câu

Bài tập 2 SGK trang 118

b. Tác dụng của:

- Dấu phẩy:

+ Dấu phẩy (1)(3): ngăn cách thành phần chú thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ, vị ngữ của câu).

+ Dấu phẩy (2): ngăn cách thành phần 2 chú thích của câu.

+ Dấu phẩy (4) (5): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

- Dấu ngoặc kép:

+ “Sông” được để trong ngoặc kép trong .Dấu ngoặc kép đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

- Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

Bài tập 3 SGK trang 118

Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB *Cô Tô*, *Hang Én*:

- VB *Cô Tô*:

+ Anh quây 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, ...bằng nước biển thôi”

- Tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp.

- VB *Hang Én*:

+ “thương hải tang điền” Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

- Tác dụng khi sử dụng ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

2. Biện pháp tu từ

Bài 4 SGK trang 118

a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”.

b. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”.

→ Tác dụng: làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động, quen thuộc như những người bạn.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

2. Biện pháp tu từ

Bài tập 5 SGK trang 118

a.

- Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.

→ Tác dụng: làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động.

b. - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.

→ Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rục rĩ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

II. Luyện tập

2. Biện pháp tu từ

Bài tập 5 SGK trang 118

c. - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ.

- Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo.

An aerial photograph of a river with a complex, meandering path through a dense, green forest. The river's path is highly irregular, with many loops and turns, creating a striking contrast between the light-colored water and the dark green trees. The overall scene is captured from a high angle, looking down at the landscape.

Cứu Long Giang ta ơi!
(Nguyễn Hồng)



Cửu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG



Quan sát các bức tranh, các bức này tranh gợi cho em liên tưởng đến vùng đất, tên sông nào của đất nước ta?



Cửu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG



Sông Mê Kông là một trong những con sông lớn nhất trên thế giới từ Trung Quốc, qua các nước Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia và đổ ra Biển Đông ở Việt Nam. Tính theo độ dài đứng thứ 12 (thứ 7 tại châu Á).

Bắt đầu từ Phnom Penh, sông Mê Kông chia thành hai nhánh theo dòng chảy từ Bắc xuống Nam. Tại Việt Nam, sông Mê Kông còn có tên gọi sông Cửu Long. Vai trò chuyên chở rất nhiều phù sa bồi đắp đồng bằng Nam Bộ.

Cứu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

Tác giả:

- Tên: Nguyễn Hồng;
- Năm sinh – năm mất: 1918 – 1982;
- Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng;
- Nguyễn Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.



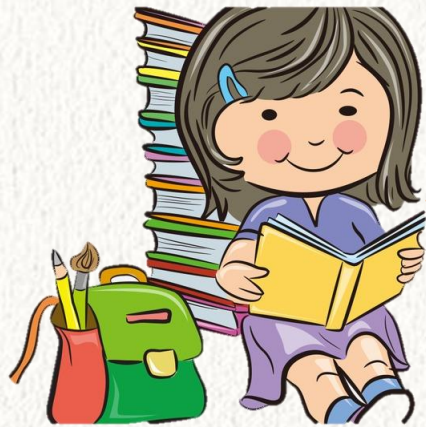
Cửu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

I. Đọc, tìm hiểu chung

1. Đọc, từ khó



Đọc rành mạch, giọng đọc cần thể hiện rõ niềm vui sướng háo hức ở phần đầu, Chú ý đọc bằng cảm xúc tự hào, xúc động; vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.

Cứu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

I. Đọc, tìm hiểu chung

1. Đọc, từ khó

Giải nghĩa các từ,
cụm từ:

Gậy thần tiên, đạo sĩ, phù sa

*Các từ chỉ địa danh: Mê
Công,*

*Trường Sơn, Thác Khôn,
Thủ Biên...*

Cứu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

1. Đọc, tìm hiểu chung

2. Tìm hiểu chung

a. Xuất xứ:

Tác giả

Bài thơ được sáng tác năm 1960, in trong tập thơ “Trời xanh”.

Nêu rõ xuất xứ VB, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB?
Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?
Theo em, VB có thể chia thành mấy phần, nêu ý chính của từng phần?

b. Thể loại:

Tự do.

Phương thức biểu đạt
Hình thức: Biểu cảm.

Chủ thể trữ tình: nhân vật “ta”

Cửu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

1. Đọc, tìm hiểu chung

2. Tìm hiểu chung

c. Bố cục

Phần 1: Từ đầu đến “*hai ngàn cây số mênh mông*”: Hình ảnh sông Mê Kông trong kí ức của cậu học trò.

Phần 2: Tiếp theo đến “*Suối mát dội trong lòng dừa trầu quả*” Về đẹp của dòng ảnh sông Mê Kông.

Phần 3: Tiếp theo đến “*không bao giờ chia cắt*”: Sự gắn bó của dòng ảnh sông Mê Kông với con người Nam Bộ.

Phần 4: Còn lại: Suy ngẫm của nhà thơ.

Cửu Long Giang ta ơi!

(Nguyễn Hồng)

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN

1. Đọc, tìm hiểu chung

2. Tìm hiểu chung

d. Nhan đề: *Cửu Long Giang ta ơi*

Lấy đoạn sông Mê Công chảy trên lãnh thổ của nước Việt Nam- Cửu Long- như một cách để giới hạn phần lãnh thổ Việt Nam

Từ “*ta*”: gọi sự thân thiết, ý muốn sở hữu.



Nhan đề: như một tiếng gọi, một tiếng hát, gọi lên tình yêu, niềm tự hào của tác giả về quê hương đất nước.

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI

Phần đầu bài thơ cho ta hình dung ra cảnh tượng lớp học, đưa ta về kí ức của chủ thể trữ tình. Đó là không gian nào? Những hình ảnh nào dần hiện lên trong tâm trí tác giả ?



Hình ảnh người thầy hiện lên qua câu thơ nào? Cảm xúc của của cậu học sinh với thầy thế nào?

Em hình dung thế nào về “tám bản đồ rục rĩ”? Nhân vật “ta” trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tám bản đồ ấy.

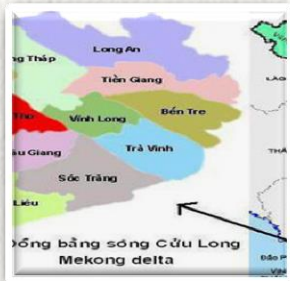
Từ tám bản đồ và lời người thầy, cậu học trò có ấn tượng gì về dòng sông Mê Công?

II. Đọc- hiểu văn bản

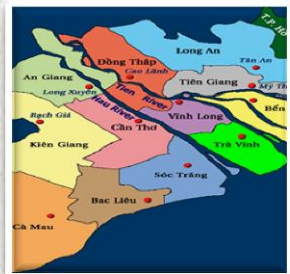
1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

a. Tuổi ấu thơ- đoạn thơ đầu

- Là một học sinh, 10 tuổi.
- + Không gian lớp học vào buổi sáng mùa thu.
- Hình ảnh tấm bản đồ với hình ảnh dòng sông Mê Công: *“rực rỡ” được so sánh với “đồng hoa bồng gập một đêm mơ” gợi nhiều ý nghĩa:*



Tấm bản đồ hiện lên trong lời giảng của thầy đẹp đẽ lạ thường, bởi nó tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.



Mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say, mong muốn được khám phá của học trò.

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

a. Tuổi ấu thơ- đoạn thơ đầu

Hình ảnh thầy giáo:



Lớn lao, vĩ
đại “lớn sao”,



Như có phép lạ
“Gây thần tiên và
cánh tay đạo sĩ”



Nâng cánh ước mơ
cho học trò. “Đưa ta
đi sông núi tuyết vờ”

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

a. Tuổi ấu thơ- đoạn thơ đầu



II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

a. Tuổi ấu thơ- đoạn thơ đầu

b. Tuổi trưởng thành- đoạn thơ cuối

Sự thay đổi về thời gian được diễn tả qua hình ảnh:

- “ta”: đã lớn, tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần, đậm sâu.

- Người thầy : đã khuất,

- Nhận thức tình cảm của tác giả lớn dần: “*thước kẻ to nay thành cán cờ sao*”: những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc, là sự hy sinh cho nền độc lập của dân tộc; khẳng định giá trị vĩnh cửu (“bất tử”) của những người đã cống hiến vì Tổ quốc.

Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông trong tác giả lớn dần theo tháng năm, càng ngày càng đậm sâu, tha thiết.

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

THẢO LUẬN NHÓM



Tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông? Từ đó cho thấy dòng Mê Kông mang vẻ đẹp gì?



Chỉ ra nét đặc sắc trong ngôn ngữ miêu tả của nhà thơ?



Cảm xúc của tác giả khi miêu tả dòng sông Mê Kông?



8:00

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

* Vẻ đẹp dữ dội, hùng vĩ, hoang sơ ở thượng nguồn dòng sông:

- Thời gian: trưa hè ngun ngút.

- Cảnh vật quanh sông: *cây lao đá đố*, bao bọc bởi các loại cây như lan *hoang*, *dừa mật*, *thông nhựa*.

+ Dòng chảy: Chảy qua dãy Trường Sơn, thác Khôn.

* Vẻ đẹp êm đềm, trù phú, tràn trề nhựa sống của chín nhánh Mê Công:

- Thời gian: sáng mùa thu

- Vẻ đẹp thiên nhiên trên sông:

+ Liệt kê: *bướm với trời xanh, chim khuyên rĩa cành, sương đọng long lanh...*

+ *Đối, nhân hóa: rừng núi lùi xa, đất phẳng thở chan hòa, sóng tỏa chân trời buồm trắng, Mê Công cũng hát.*

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

*** Vẻ đẹp êm đềm, trù phú, tràn trề nhựa sống của chín nhánh Mê Công:**

-Vẻ đẹp trù phú của vùng đồng bằng sông Cửu Long: Liệt kê hàng loạt hình ảnh “*phù sa nổi vàng*”, “*ruộng bãi...không hết lúa*”, “*bến nước tôm cá ngộp thuyền*”, “*sầu siêng thơm dậy, dừa trĩu quả...*”

⇒ Những bức tranh cảnh vật sinh động, tràn đầy màu sắc và âm thanh. Sông Mê Công hiền hòa, trù phú.

- Sự giàu có hào phóng mà dòng sông ban tặng cho vùng đất Nam Bộ.

II. Đọc- hiểu văn bản

1. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

* Nhân vật ta:

+ Ta đi... bản đồ không nhìn nữa... → Dường như hòa nhập tưởng tượng với cuộc sống thật. Khám phá dòng sông.

+ Ta cởi áo lội dòng sông ta hát. → Giao hòa với thiên nhiên, hứng thú, say mê.

- *Những trải nghiệm phong phú của nhà thơ về địa hình, thiên nhiên gắn với dòng sông Mê Công.*

- Tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ trước vẻ đẹp của dòng sông Mê Công, tình yêu quê hương đất nước tha thiết.

3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ



Đọc đoạn thơ: “*Mê
Công quận đẽ...không
bao giờ chia cắt*”

Hình ảnh người nông dân Nam Bộ hiện lên như thế nào trong bài thơ? Em có nhận xét gì về cách viết của tác giả? Qua đó tác giả gửi cảm xúc gì về con người Nam Bộ?

3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ

Hình ảnh con người Nam Bộ:

Cực nhọc cùng bùn để xây dựng quê hương:
*gói đất nằm sương, mồ hôi và bãi lầy thành
đồng lúa.*

Họ gắn bó với từng mảnh đất: *Thành những
tên đọt lên nước mắt đều muốn ứa... Cà
Mau.*

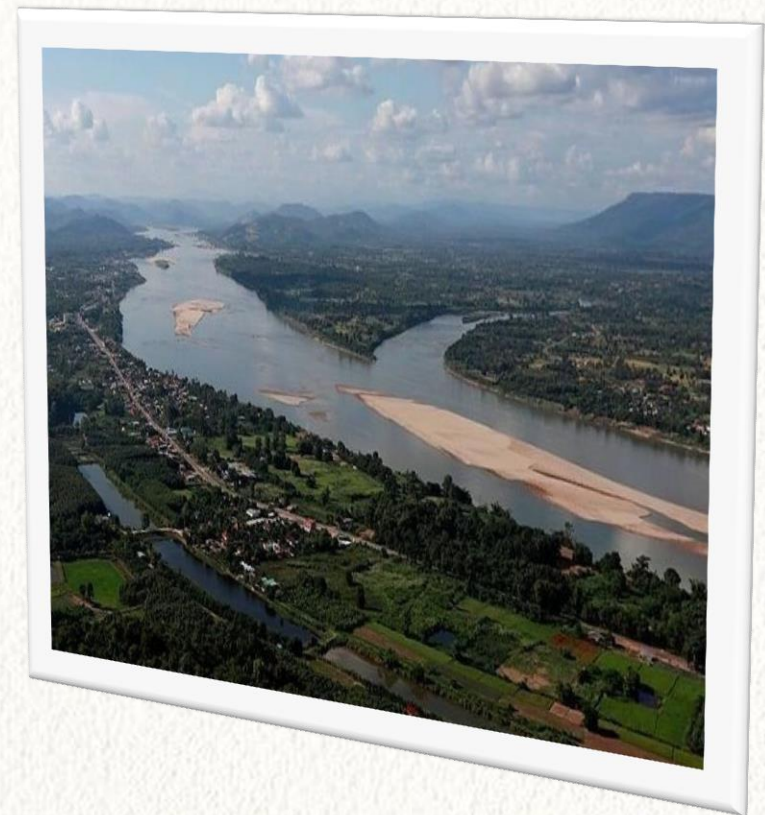
Là những con người yêu quê, luôn đoàn kết
giữ gìn đất đai sông núi; ông cha hy sinh để
giữ đất giữ nước cho con cháu: *Những mặt
đất... chia cắt.*



Sông Mê Kông gắn
bó, đóng góp to lớn
cho cuộc sống của
con người.

3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ

- Ngôn ngữ thơ giản dị, dùng thành ngữ *gối đất nằm srong...; tu tư liệt kê, biểu cảm gián tiếp*
- Những trải nghiệm phong phú của nhà thơ về cuộc sống con người gắn với dòng sông Mê Công.
- Niềm yêu mến, tự hào, cảm phục của nhà thơ với con người Nam Bộ.



III. Tổng kết.

1. Nghệ thuật.

Thể thơ tự do, hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi, giọng thơ tha thiết xúc động.

Sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, so sánh, liệt kê, ẩn dụ...

Kết hợp yếu tố miêu tả, tự sự để bộc lộ cảm xúc.

2. Nội dung

Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông Mê Công và con người Nam Bộ.

Thể hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ với dòng sông Mê Công chảy qua Nam Bộ, và cũng là tình yêu quê hương đất nước.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP



1. Đọc diễn cảm bài thơ?

2. Em hình dung thế nào về "tám bản đồ rực rỡ"? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tám bản đồ ấy?

3. Tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP



Câu 2: Tác giả đã biến tám bản đồ địa lí thành cánh đồng hoa gập trong một đêm mơ. Trong niềm hứng thú của cậu học trò ngẩng lên cõi mộng, bài địa lí bỗng có một chiều sâu không ngờ. Có con sông không chỉ chảy từ đỉnh núi mà còn bắt nguồn từ các bộ tiểu thuyết du kí, võ hiệp danh tác, từ các kì quan thế giới, từ thăm thẳm một miền văn hóa Đông phương.

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP

Câu 3. Những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông:



Ruộng bãi
Mê Kông
trông không
hết lúa.

Mê Kông
chảy, Mê
Kông cũng
hát.



Chín nhánh
Mê Kông phù
sa nổi vàng.

Mê Kông
quận đê, chín
nhánh sông
vàng.



Bên nước Mê
Kông tôm cá
ngọt thuyền.



HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP

Câu 4. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc họa qua chi tiết: Nông dân Nam Bộ gói đất nặn sừng/Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa.

Nông dân Nam Bộ là những con người cần cù, vất vả, chịu thương chịu khó, "một nắng hai sương".



HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Ta đã lớn
Thầy giáo già đã khuất
Thước bản to nay thành cán cờ sao
Những tên làm man mác tuổi thơ xưa
Đã thấm máu của bao hồn bất tử.*



HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG

Yêu cầu:

- Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.
- Đoạn văn phải sử dụng 5-7 câu

Gợi ý:

- Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với dòng sông Mê Kông, đất nước quê hương
 - Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã diễn tả thời gian trôi chảy như thế nào?
 - Biện pháp tu từ nào trong câu thơ thứ ba, hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?
 - Vì sao tác giả khẳng định “Thước bản to nay thành cán cờ sao”
 - Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ? (man mác, trầm lắng)
- Nội dung: Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông trong tác giả lớn dần theo tháng năm, càng ngày càng đậm sâu, tha thiết.

VIẾT

Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt



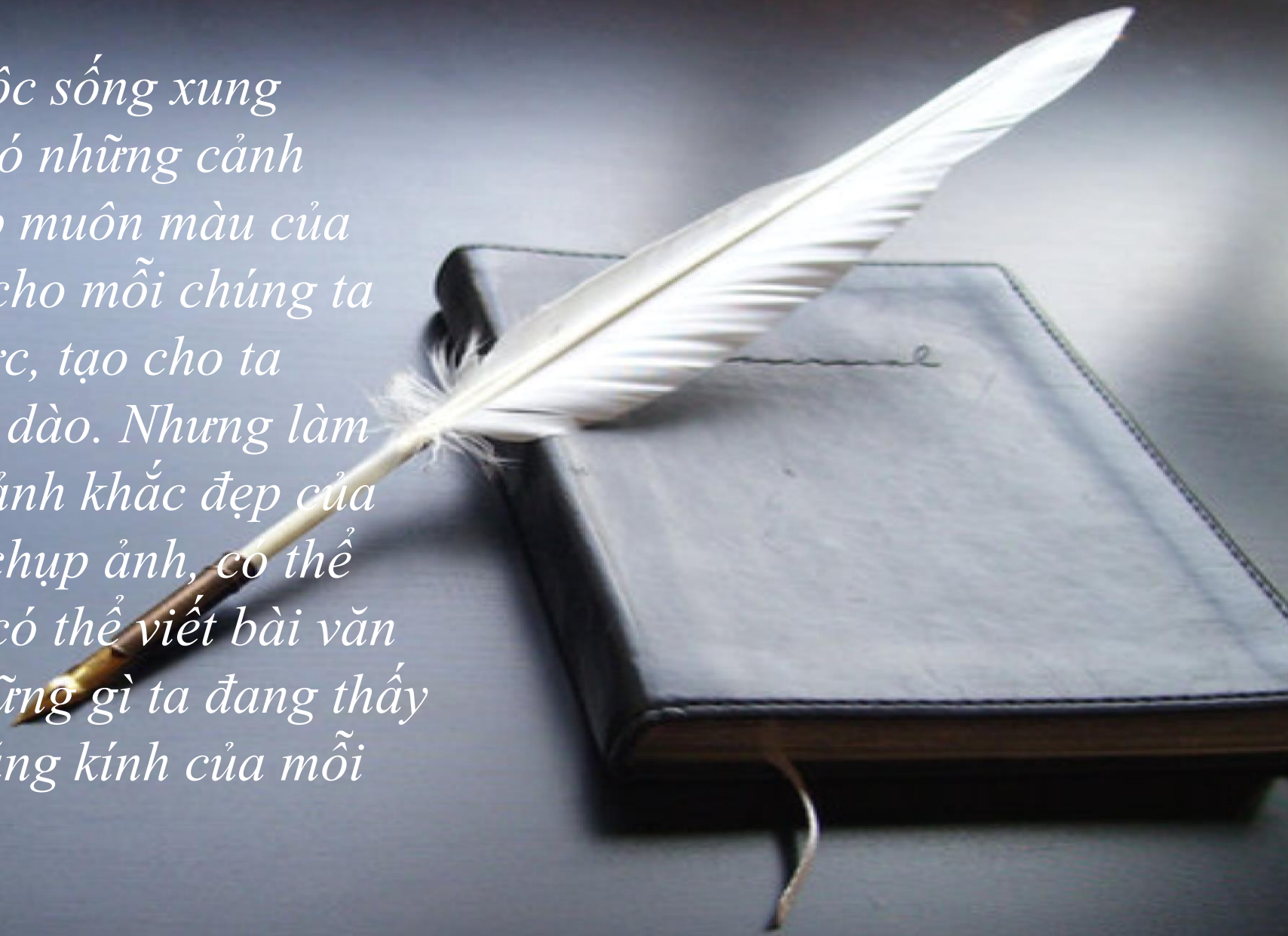
Handwritten cursive text on a piece of paper, likely the beginning of a paragraph or sentence.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

MỘT SỐ BỨC TRANH VỀ CẢNH SINH HOẠT



Các em thân mến! Cuộc sống xung quanh chúng ta luôn có những cảnh tượng thật đẹp. Vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống đã đem lại cho mỗi chúng ta những cảm xúc tích cực, tạo cho ta nguồn năng lượng dồi dào. Nhưng làm thế nào để ghi lại khoảnh khắc đẹp của cuộc sống? Ta có thể chụp ảnh, có thể quay vi deo...và cũng có thể viết bài văn miêu tả tái hiện lại những gì ta đang thấy bằng ngôn ngữ, qua lăng kính của mỗi người.



HOẠT ĐỘNG 2:

I. Tìm hiểu yêu cầu đối với một bài văn tả cảnh sinh hoạt.



Theo em, yêu cầu đối với một bài văn thể tả cảnh sinh hoạt là gì?

1

Tại sao phải giới thiệu cảnh sinh hoạt?

2

Có các cách thức nào miêu tả?

3

Nếu chỉ miêu tả mà không có cảm nghĩ của người viết thì bài văn tả cảnh có giảm sức cuốn hút hay không? Tại sao?

I. Tìm hiểu yêu cầu đối với một bài văn tả cảnh sinh hoạt.

Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.

Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).

Tả hoạt động cụ thể của con người.

Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.

HOẠT ĐỘNG 3

II. Phân tích bài viết tham khảo: “*Phiên chợ vùng cao*”

Hãy đọc SGK trang 122,123,124 và trả lời các câu hỏi. Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt như thế nào:

Bài viết đã giới thiệu cảnh sinh hoạt nào?
Khi giới thiệu cảnh sinh hoạt là phiên chợ, người viết đã giới thiệu điều gì?

Cảnh sinh hoạt được tả trong bài viết tham khảo là cảnh gì? Tác giả đã dùng cách thức nào để tả?

Bài viết này có bố cục như thế nào?
Nêu nội dung từng phần?

Tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào để miêu tả cảnh sinh hoạt?

HOẠT ĐỘNG 3

II. Phân tích bài viết tham khảo: “*Phiên chợ vùng cao*”

Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt:

giới thiệu tên
cảnh sinh
hoạt “chợ
vùng cao”,

Giới thiệu cảnh sinh
hoạt: chợ phiên vùng
cao: “*Bạn đã đi chợ
phiên vùng cao bao giờ
chưa?....hàng tuần*”:

ấn tượng
chung “*thú vị*”
và thời gian
họp chợ “*sáng
thứ Bảy hàng
tuần*”.



II. Phân tích bài viết tham khảo: “*Phiên chợ vùng cao*”



Tả quang cảnh chung:

Cái nhìn bao quát, đi từ bên ngoài vào trong, từ xa đến gần (“*chợ họp trên sườn núi*”, “*từ trên cao nhìn xuống*”, “*vào chợ*”);

Theo trình tự thời gian: sáng sớm đến quá trưa.

II. Phân tích bài viết tham khảo: “*Phiên chợ vùng cao*”

Tả cảnh hoạt động cụ thể của con người:



Trang phục của người đi chợ: phụ nữ, đàn ông, em bé



Hoạt động của con người: có những hoạt động riêng: “*Phụ nữ xúng xính...*”, “*đàn ông tay cầm kèn...bàn tán xôn xao*”, “*em bé ...toét miệng cười*”,...



Hoạt động mua bán nhộn nhịp của chợ: chỗ bán đồ ăn, chỗ bán súc vật như trâu, bò, dê...



Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động: tính từ, động từ, từ láy...

Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết (“*Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam*”).

Bố cục: bài viết có bố cục 3 phần mở bài, thân bài, kết bài.

HOẠT ĐỘNG 4: Thực hành viết theo các bước

1- Lựa chọn đề tài:

Cảnh chợ cá bên bờ biển



Cảnh gói bánh chưng trong ngày Tết.

Đề tài

Cảnh ngày tết Trung thu ở địa phương em.



Cảnh lễ hội của một địa phương.

HOẠT ĐỘNG 4: Thực hành viết theo các bước

2. Tìm ý và lập dàn ý.



Em sẽ tả cảnh gì?
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?

Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em, em thấy thấy được những chi tiết nào? Hãy viết ngắn gọn dưới hình thức cụm từ?

HOẠT ĐỘNG 4: Thực hành viết theo các bước

2. Tìm ý và lập dàn ý.

Thời gian, địa điểm.

Quang cảnh chung và những hoạt động cụ thể.

Những người tham gia, hành động, lời nói của họ.

Sưu tầm những tư liệu như vật dụng, tranh ảnh, đoạn phim ngắn liên quan đến cảnh sinh hoạt.

2. Tìm ý và lập dàn ý.

b. Lập dàn ý.

Sắp xếp các ý theo trình tự

```
graph TD; A[Sắp xếp các ý theo trình tự] --> B[Không gian: từ bao quát đến cụ thể, từ xa đến gần,...]; A --> C[Thời gian: cái gì diễn ra trước tả trước, cái gì diễn ra sau tả sau.]; A --> D[Theo diễn biến của cảm xúc: ngạc nhiên, đến yêu thích, muốn tham gia, khám phá];
```

Không gian: từ bao quát đến cụ thể, từ xa đến gần,...

Thời gian: cái gì diễn ra trước tả trước, cái gì diễn ra sau tả sau.

Theo diễn biến của cảm xúc: ngạc nhiên, đến yêu thích, muốn tham gia, khám phá

2. Tìm ý và lập dàn ý.

b. Lập dàn ý.

- Dàn ý gồm 3 phần:

* Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.

* Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt

- **Tả bao quát** quanh cảnh

- **Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự** (không gian, thời gian, hoạt động chính).

+ Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.

+ Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.

+ Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.

* Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết

3. Viết bài văn.

4. Chỉnh sửa đoạn văn (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.
- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm.

Bảng kiểm tra bài văn tả cảnh sinh hoạt

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung	Chỉnh sửa, bổ sung nếu bài viết chưa Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung
Tả hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt. Cung cấp một số thông tin liên quan đến cảnh sinh hoạt.	Bổ sung các chi tiết về các hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt (nếu cần). Có thể thêm các thông tin về lịch sử, địa lí, văn hóa...có liên quan đến cảnh sinh hoạt.
Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả một cách rõ nét, sinh động.	Đánh dấu những từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung để cảnh sinh hoạt hiện lên một cách rõ nét, sinh động.
Thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt	Đánh dấu những từ ngữ thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Rà soát lỗi chính tả: dùng từ, đặt câu ...trong bài viết và chỉnh sửa nếu phát hiện.




NÓI VÀ NGHE

Chia sẻ về một trải nghiệm nơi em sống hoặc từng đến

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Em đã có những trải nghiệm thú vị nào về nơi em sống hoặc em từng đến thăm không? Hãy chia sẻ với mọi người?



CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói

Bài nói nhằm mục đích gì?



Người nghe là ai?

Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?

Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?



CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói


Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói .

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói

- Xác định đề tài:

- + về khung cảnh thiên nhiên
- + một cảnh sinh hoạt

- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:

- + Giới thiệu được trải nghiệm thú vị của bản thân.
 - + Hoàn cảnh dẫn đến trải nghiệm em muốn chia sẻ (đi đến trường, dạo phố, hoặc cùng người thân tham gia nhân một lần về quê, hay một chuyến du lịch...).
- 



CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói

Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói .

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói

+ Tả khung cảnh thiên nhiên mà em quan sát được (cảnh đó như thế nào: nhộn nhịp hay yên tĩnh, náo nhiệt hay bình lặng, hiện đại hay hoang sơ...).

+ Nêu ra những trải nghiệm và ấn tượng nổi bật của em về khung cảnh nổi bật nơi em đến.

+ **Chuẩn bị các tư liệu, tranh ảnh** liên quan đến trải nghiệm sẽ kể.

+ **Nêu lên cảm xúc, suy nghĩ hoặc bài học** em rút ra từ trải nghiệm đáng nhớ đó.





CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói

Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói .

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói

Bước 3: Luyện tập và trình bày.

+ Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước (trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân).

+ Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giải bày.



CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói

Bước 4: Trao đổi, đánh giá.

* Bảng tự kiểm tra bài nói.

Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt
- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa.	
- Mớ bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự trải nghiệm, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ.	
- Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: giới thiệu hoàn cảnh trải nghiệm, khung cảnh thiên nhiên diễn ra, nêu ra những trải nghiệm và ấn tượng nổi bật, bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc.	
- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho đề tài.	
- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn.	



CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói

2. Trình bày bài nói

3. Đánh giá bài nói

- Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm; giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn; trao đổi với bạn về những ý kiến khác biệt.

- Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.

- Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới)



CHUẨN BỊ BÀI NÓI

1. Chuẩn bị nội dung nói

2. Trình bày bài nói

3. Đánh giá bài nói

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ			
NHÓM.....			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa	Chưa có vấn đề để nói	Có vấn đề để nói nhưng chưa hay	Có vấn đề để nói ấn tượng
2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn	Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề	Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề.	Nội dung vấn đề hay, phong phú, hấp dẫn
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề	Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng.

Tổng:/10 điểm

HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

PHIẾU HỌC TẬP

	<i>Cô Tô</i>	<i>Hang Én</i>
Hành trình khám phá của con người		
Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu)		
Những biện pháp nghệ thuật nổi bật		

HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

PHIẾU HỌC TẬP

	<i>Cô Tô</i>	<i>Hang Én</i>
Hành trình khám phá của con người	Vị trí quan sát của người kể: trên nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo Cô Tô, ngày thứ tư, thứ năm, thứ sáu	Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với hang Én.
Những thông tin xác thực được ghi chép (địa danh, con người, số liệu)	<i>Cô Tô</i> , đảo Thanh Luân, anh hùng Châu Hòa Mãn, hợp tác xã Bắc Loan Đầu, chị Châu Hòa Mãn	- Địa danh: dốc Ba Giàn, thung lũng Rào Thương, hang Én. - Số liệu: rộng nhất là 110m ² , cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; Con người: người A-rem
Những biện pháp nghệ thuật nổi bật	So sánh, nhân hóa.	So sánh, nhân hóa.



THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)


1. Đọc, từ khó

- Tháp Khương Mỹ
- Chim thần Ga-ru-đa
- Rắn Na-ga, ...

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Lam Linh

b. Xuất xứ: Trích “Phụ nữ và những chuyến đi”, 2017/

- Thể loại: du ký, người kể chuyện xưng *tôi*- tác giả ghi chép lại hành trình khám phá vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ (ở Quảng Nam).
- 



THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)


1. Đọc, từ khó

- Tháp Khương Mỹ
- Chim thần Ga-ru-đa
- Rắn Na-ga, ...

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Lam Linh

b. Xuất xứ: Trích “Phụ nữ và những chuyến đi”, 2017/

- Thể loại: du ký, người kể chuyện xưng *tôi*- tác giả ghi chép lại hành trình khám phá vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ (ở Quảng Nam).
- 

THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)

3. Đọc- hiểu văn bản:

THẢO LUẬN
NHÓM

10:00

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Tìm những thông tin cơ bản về tháp Khương Mỹ mà tác giả cung cấp trong bài viết? Đó là những thông tin như thế nào? Tác dụng của việc đưa thông tin vào bài kí?	Tháp Khương Mỹ đẹp ở kiến trúc, hoa văn tinh tế, và cách xây dựng. Em hãy tìm những chi tiết trong VB để làm nổi bật những vẻ đẹp đó?	Tác giả có ấn tượng đặc biệt với nhưng chi tiết nào, hình ảnh nào khi khám phá tháp Khương Mỹ? Qua đó, em cảm nhận được tình cảm gì của nhà văn với tháp Chăm?

THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)

3. Đọc- hiểu văn bản:

Thời gian: Xây dựng cuối thế kỉ IX đầu thế kỉ X.



Kết cấu: Gồm ba tháp được xếp theo trục bắc - nam: Tháp Bắc, Tháp Giữa, Tháp Nam.

Địa điểm: Thuộc thôn 4, xã Tam Xuân I, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Giá trị: Được công nhận là di tích quốc gia năm 1989.

* Những thông tin chính xác, khoa học, thể hiện sự tìm hiểu kĩ lưỡng của tác giả.

- Giúp người đọc hiểu được giá trị của tháp Khương Mỹ.
- Làm tăng độ tin cậy và sức hấp dẫn cho bài kí.

THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)

3. Đọc- hiểu văn bản:

b. Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ

- Kiến trúc:

+ Theo lối tháp Chăm truyền thống: mặt bằng gần vuông, cửa ra vào hướng đông, mái ba tầng.

+ Cửa giả của các tầng trang trí hình lá đề.

+ Bên trong tháp trống trơn, chỉ có rêu xanh phủ đầy ở những nơi mà ánh sáng lọt vào.

- Hoa văn tinh tế:

+ Chân tháp: Tác phẩm điêu khắc như hình chim thần Ga-ru-đa, rắn Na-ga, người cưỡi voi, người cưỡi ngựa...

+ Từ chân đến đỉnh tháp là hoa văn điêu khắc trực tiếp trên gạch với những nét uyển chuyển khó tin.

THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)

3. Đọc- hiểu văn bản:

b. Vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ

+ Xung quanh chân tháp những mảng điêu khắc các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc. Các tượng khỉ có liên quan đến trường ca Ra-ma-ya-na. Vài chú khỉ đội hành lý trên đầu, có lẽ đang đội nước. Có cảnh khỉ bị rùa cắn, ba chú khỉ đang đánh trống, nhảy múa.

- Cách xây dựng:

+ Vẫn khiến các nhà khoa học đau đầu, chưa có lời giải đáp.

+ Các giả thiết như: Những viên gạch được mài phẳng rồi xếp lên nhau vừa khít, được gắn bởi một loại keo dán đặc biệt; Xếp gạch chưa nung thành tòa tháp rồi nung lên cho chúng gắn kết tự nhiên trong quá trình nung.

THỰC HÀNH ĐỌC

Ngàn năm tháp Khương Mỹ

(*Lam Linh*)

3. Đọc- hiểu văn bản:

c. Ấn tượng của nhân vật tôi

- Đặc biệt yêu thích vì cụm tháp này vẫn còn giữ được khá nguyên vẹn “*nhân sắc*” thuở sơ khai của nó hơn một nghìn năm về trước, chưa bị bàn tay con người đục chạm hay sửa sang...
- Thích thú với những mảnh điêu khắc có hình các chú khỉ đáng yêu đang bận rộn, mỗi chú một việc.
- Để lại ấn tượng đặc biệt bởi những hoa văn điêu khắc tinh xảo. Và tiếc nuối khi những tháp Chăm còn giữ lại những vẻ đẹp như này không nhiều...

3. Tổng kết:

a, Nghệ thuật:

Dùng hình thức thể kí với lối ghi chép sự thật trong hành trình vừa quạt sát vừa kể tạo giọng văn giàu cảm xúc.

Chi tiết miêu tả đặc sắc về vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ. Thông tin chính xác, tin cậy.

b, Nội dung:

Khẳng định vẻ đẹp và giá trị lịch sử, văn hóa của tháp Khương Mỹ của người Chăm ở Nam Trung Bộ.

Tình yêu, tự hào của tác giả tháp Khương Mỹ và nền văn hóa của người Chăm.

ĐỌC MỞ RỘNG

Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.

